

Bản án số: 193/2026/DS-PT

Ngày: 14/4/2026

V/v: “Tranh chấp QSD đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Th

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang T

Bà Nguyễn Diệu H

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Th – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Ch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 đến ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án 115/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân S sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – An Giang) bị Kh cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2025/QĐPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 27/2026/TB-TA ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương S:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, ấp Búng Gội, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H:

Ông Trần Văn S, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang).

* Người bảo vệ quyền L ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H: Luật sư Mai Hồng Ha, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: ông Lê Minh Hi, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang) (có đơn xin vắng mặt)

- **Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 (có mặt)

2. Bà Lê Thị U, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà U: ông Nguyễn Thanh Ha, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

3. Bà Nguyễn Thị Trúc Linh, sinh năm 1998

4. Ông Nguyễn Phước Tài, sinh năm 1994

5. Ông Lê Minh Hi, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

6. Ủy ban nhân dân phường DD (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 10B Hùng Vương, khu phố 1, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

7. Cháu Lê Ngọc Th, sinh năm 2016

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Th: Ông Lê Minh Hi, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang)

Do có Kh cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Ông Trần Văn S và ông Nguyễn Phi H trình bày:** Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện nay là của ông cố Nguyễn Văn Tr khai khẩn để canh tác từ trước năm 1930, thời điểm này không có giấy tờ đất. Ông nội của ông H tên Nguyễn Văn S là con của ông Tr ở cùng cha mẹ, sau khi ông Tr chết thì ông S tiếp tục ở và quản lý để trồng dừa, đến năm 1976 ông S chết. Sau khi ông S chết, ông H là người trực tiếp quản lý vườn dừa này. Đến ngày 19/4/1993 nguyên cả gia tộc họp lại lập biên bản họp gia tộc với nội dung chia phần đất của ông Tr làm 04 phần, trong đó ông H được hưởng 01 phần. Năm 1997, ông Đặng Văn Kh có nói với

ông H cho bà Trần Thị Ch cất căn nhà nhỏ ở tạm, không có nói thời hạn khi nào và cho ở tạm cũng không có văn bản gì. Giữa ông H và bà Ch không có quan hệ thân thích gì, do ông Kh là anh rể thấy hoàn cảnh bà Ch khó khăn nên nói với ông H để cho ở nhờ và cất căn chòi ngang 3m dài 4m. Ngày 12/7/2013 ông H và bà S có làm giấy thỏa thuận chiều ngang 8m chia làm 02 phần mỗi người 4,4m. Đến ngày 21/5/2015 bà S cho ông L, bà U cất nhà để bà S và các con vào ở cùng, đến ngày 01/3/2016 ông H có đến tháo dỡ, ông H có làm đơn đến khu phố và UBND phường DD giải quyết nhưng bà S không đồng ý trả đất lại cho ông H.

Trước khi ông H cho bà Ch vào ở thì ngay vị trí đất này có cho ông Trần Văn Đực vào ở nhờ được S cho phép của ông S, do ông Đực ăn nhậu, đánh nhau nên gia đình đuổi ông Đực ra khỏi đất, sau đó ông Kh mới xin cho bà Ch vào ở trên đất này.

Ông Nguyễn Phi H yêu cầu tòa án giải quyết: Yêu cầu bà S, bà U, ông L trả lại cho tôi phần diện tích theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế theo trích đo địa Ch thừa đất tranh chấp số 1136-TĐ2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 16/12/2019. Yêu cầu bà S, bà U, ông L tháo dỡ, di dời trả lại nhà đất cho ông H diện tích đất nêu trên.

- Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị S trình bày: Phần đất tranh chấp tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc có nguồn gốc là của bà ngoại Trần Thị Ch khai khẩn từ năm 1981, 1982. Sau khi bà ngoại chết để lại cho bà S ở đến nay. Trong quá trình sống tại đây, gia đình đã cất và xây dựng 03 căn nhà trên đất nhưng phía ông H không có tranh chấp hoặc ngăn cản gì. Năm 2013, ông H tự lập 01 văn bản để đưa cho bà S ký tên vào, do bà S bị bệnh, đi đứng khó khăn, trình độ văn hóa thấp, không hiểu biết nên ký tên vào mà không biết văn bản có nội dung gì. Khi ông H khởi kiện tại Tòa án thì bà S mới biết là giấy thỏa thuận phân chia diện tích đất tranh chấp. Ông H yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Yêu cầu tòa án hủy giấy thỏa thuận ngày 12/7/2013 và công nhận cho bà S và bà U quyền sử dụng đất với diện tích đo đạc thực tế là 173m² tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo Trích đo địa Ch thừa đất tranh chấp số 1136-TĐ2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 16/12/2019.

- **Ông Nguyễn Thanh Ha đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U trình bày:** Phần đất tranh chấp tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc có nguồn gốc là của bà Ch khai khẩn. Sau khi bà Ch chết để lại cho bà S và bà U phần diện tích đất để ở cho đến nay. Trong quá trình sống tại đây, bà Ch, bà S, bà U đã cất 03 xác nhà trên đất nhưng phía ông H không có tranh chấp hoặc

ngăn cản gì. Năm 2013, ông H tự lập văn bản để đưa bà S ký tên vào, do bà S bị bệnh, đi đứng khó khăn, trình độ văn hóa thấp, không hiểu biết nên ký tên vào mà không biết văn bản viết nội dung gì. Khi ông H khởi kiện tại Tòa án thì bà U mới biết là giấy thỏa thuận phân chia diện tích đất tranh chấp.

Ông Nguyễn Thanh Ha yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Tòa án hủy giấy thỏa thuận ngày 12/7/2013 và công nhận cho bà S và bà U quyền sử dụng đất với diện tích đo đạc thực tế là 173m² tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo Trích đo địa Ch thửa đất tranh chấp số 1136-TĐ2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 16/12/2019.

Ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông L xác định quyền sử dụng đất các bên tranh chấp là của bà Ch cho bà S và bà U. Vào năm 2015, ông L sử dụng tiền của vợ chồng xây dựng căn nhà tường kiên cố sinh sống cho đến nay. Ông L, không yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp yêu cầu của ông H được chấp nhận, ông L đồng ý di dời trả đất cho ông H và không yêu cầu bồi thường giá trị công trình trên đất.

Tại Bản án dân S sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 27/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H yêu cầu bà Lê Thị S trả lại diện tích đất 173m² tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Phi H yêu cầu bà Lê Thị S, bà Lê Thị U, ông Nguyễn Văn L di dời trả lại đất cho ông Nguyễn Phi H.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị S và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị U. Hủy giấy thỏa thuận ngày 12/7/2013 giữa ông Nguyễn Phi H với bà Lê Thị S. Giao cho bà Lê Thị S, bà Lê Thị U diện tích 173m², thứ tự các điểm 1, 2, 3, 6, 7, 4, 5 (gồm 02 thửa 85,1m² và 87,9m²) đất tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, theo Trích đo địa Ch thửa đất tranh chấp số: 1136 TĐ 2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phú Quốc lập ngày 11/12/2019 (Kèm theo bản án là Trích đo nêu trên).

Bà Lê Thị S và Lê Thị U được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền về đất đai lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3- Giải quyết chi phí tố tụng và về án phí.

4- Bảo quyền Kh cáo cho các đương S theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H cùng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H thay đổi rU một phần yêu cầu Kh cáo yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận 1/2 phần đất tranh chấp trên cho ông

H được quyền sử dụng đất diện tích 85,1 m², phần còn lại bà S và bà U xây dựng nhà có sẵn ông H thống nhất giao cho bà S và bà U được toàn quyền sử dụng và sở hữu.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị S có đơn xin vắng mặt yêu cầu Hội đồng xét xử xử theo quy định của pháp luật

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị U giữ nguyên yêu cầu độc lập yêu cầu hủy giấy thỏa thuận ngày 12/7/2013 giữa ông Nguyễn Phi H với bà Lê Thị S; Yêu cầu công nhận diện tích 173m², thứ tự các điểm 1, 2, 3, 6, 7, 4, 5 (gồm 02 thửa 85,1m² và 87,9m²) đất tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Nay là đặc khu Phú Quốc-tỉnh An Giang) cho bà Lê Thị S, bà Lê Thị U được quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Văn L thống nhất theo ý kiến của bà U không yêu cầu gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân S.

Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị S và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị U là có căn cứ. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phi H Kh cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân S, giữ nguyên Bản án dân S sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là tòa Khu vực 2-An Giang)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ông Nguyễn Phi H cho rằng diện tích đất tranh chấp 173m² thuộc quyền thừa kế từ ông nội (ông Nguyễn Văn S) và ông cố (ông Nguyễn Văn Tr). Tuy nhiên, ông H không cung cấp được các giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Biên bản họp gia tộc ngày 19/4/1993 mà ông đưa ra không xác định rõ diện tích, vị trí, ranh giới cụ thể và không có giá trị pháp lý để xác lập quyền sở hữu đối với diện tích đất đang tranh chấp.

Bà Lê Thị S và bà Lê Thị U qua xác minh, từ năm 1981-1982, bà Trần Thị Ch là mẹ ruột của bà S, bà U đã vào cất nhà và sử dụng đất ổn định. Suốt quá trình

từ năm 1981 đến khi phát sinh tranh chấp (trên 30 năm), gia đình bà Ch, bà S đã xây cất nhà 03 (ba) lần và sử dụng liên tục, không bị cơ quan chức năng xử lý vi phạm hay có tranh chấp gì với các hộ xung quanh.

[2] Về giấy thỏa thuận ngày 12/7/2013 xét thấy tại thời điểm ký kết, diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai, nên việc ông H tự nhận là chủ đất để phân chia cho bà S là không đúng quy định của pháp luật, thỏa thuận này xâm phạm đến quyền L của bà Lê Thị U và ông L là những người đang trực tiếp sống và sử dụng đất. Do đó Tòa án thành phố Phú Quốc (nay là Tòa án khu vực 2, tỉnh An Giang) tuyên hủy giấy thỏa thuận này là có căn cứ.

[3] Về quy định thời hiệu sử dụng đất đai: Ông H và ông S cho rằng đất của mình từ năm 1981 đến nay không hề kê khai, đăng ký hay trực tiếp quản lý, canh tác trên phần đất này. Trong khi đó bà S và bà U đã sử dụng diện tích 173m² này liên tục, công khai và ngay tình trong suốt 30 năm. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận và giao phần đất này cho bà S, bà U quản lý là phù hợp với thực tế sử dụng đất.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phi H có đơn yêu cầu tòa án thu thập chứng cứ của bà Trần Thị Lệ Hà, bà Trần Thị Dur, ông Trần Văn Thương, ông Đặng Văn Kh là những người hàng xóm lớn tuổi biết nguồn gốc đất thuộc quyền sử dụng của ông S là ông nội của ông H. Tuy nhiên sau khi Tòa án đi thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan vẫn không có gì mới để thay đổi cho nên việc ông H khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thi chứng cứ là chưa đúng, bởi những tài liệu và lời khai mà ông yêu cầu không chứng minh được quyền sử dụng đất hợp pháp của ông đối với phần đất tranh chấp với bà Lê Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Phi H không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của ông bị xâm phạm ngoài những tài liệu đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Do đó, yêu cầu đòi lại đất và yêu cầu di dời nhà của ông H là không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên sau khi Th luận Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại tòa hôm nay là có căn cứ đúng pháp luật cần chấp nhận và thống nhất không chấp nhận Kh cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H; Giữ nguyên Bản án dân S sơ thẩm số 26/2025/DS-ST, ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án khu vực 2, tỉnh An Giang).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân S; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận Kh cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H. Giữ nguyên Bản án dân S sơ thẩm số 26/2025/DS-ST, ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án khu vực 2, tỉnh An Giang).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị S và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị U. Hủy giấy thỏa thuận ngày 12/7/2013 giữa ông Nguyễn Phi H với bà Lê Thị S. Giao cho bà Lê Thị S, bà Lê Thị U diện tích 173m², thứ tự các điểm 1, 2, 3, 6, 7, 4, 5 (gồm 02 thửa 85,1m² và 87,9m²) đất tại tổ 9, khu phố 8, phường DD, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, theo Trích đo địa Ch thửa đất tranh chấp số: 1136 TĐ 2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phú Quốc lập ngày 11/12/2019 (Kèm theo bản án là Trích đo nêu trên).

Bà Lê Thị S và Lê Thị U được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí Trích đo địa Ch thửa đất tranh chấp là 502.000 đồng theo Hóa đơn số 0001208 ngày 06/01/2020. Do yêu cầu của ông H không được chấp nhận, nên ông H pHa có nghĩa vụ chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 502.000 đồng (năm trăm lẻ hai nghìn đồng), ông H đã nộp xong.

3.2. Chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản tranh chấp là 11.000.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000029 ngày 12/9/2023. Do yêu cầu của ông H không được chấp nhận, nên ông H pHa có nghĩa vụ chịu tiền chi phí định giá là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), ông H đã nộp xong.

4. Về Án phí:

+ Án phí dân S sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phi H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên không pHa chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Phi H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002842 ngày 08/01/2018. Hoàn trả cho bà Lê Thị S số tiền án phí đã nộp là 600.000 đồng theo Biên lai thu số 0000618 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân S thành phố Phú Quốc, (Nay là Phòng Thi hành án dân S khu vực 2 – An Giang).

Hoàn trả cho bà Lê Thị U số tiền án phí đã nộp là 600.000 đồng theo Biên lai thu số 0000619 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân S thành phố Phú Quốc (Nay là Phòng Thi hành án dân S khu vực 2 – An Giang).

+ Án phí dân S phúc thẩm: Ông Nguyễn Phi H là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn nộp án phí theo qui định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Khu vực 2;
- Phòng Thi hành án dân sự
Khu vực 2 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thập